TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **96**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 - 2026
V/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà – Bà Lê Thị Nhớ

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Kiều Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Đức Lam Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc*: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1029/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1028/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1993; Căn cước công dân số: 079193033222 cấp ngày 09/5/2021, Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Địa chỉ: số C T, tổ C, phường C, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ hiện nay: 704/78 H, phường B, TP Hồ Chí Minh (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1988; Căn cước công dân số: 048088008037 cấp ngày 09/5/2021, Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Địa chỉ: C T, tổ C, phường C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai gửi đến Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông Nguyễn Thành Chung kết H hai lần vào năm 2014 và vào năm 2023, có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng nay là phường C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cụ thể vào năm 2014 bà Q và ông Chung kết H, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vào năm 2018 bà và ông C ly hôn, thể hiện tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 197/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2023, bà và ông C đăng ký kết hôn lại. Trong quá trình chung sống bà và ông C thường xuyên cải vã bất đồng quan điểm sống, mỗi lần phát sinh mâu thuẫn ông C thường đuổi bà ra khỏi nhà còn xúc phạm bà và gia đình bà. Mặc dù bà đã nhiều lần góp ý, khuyên can, hòa giải với ông C nhưng ông C vẫn không thay đổi. Hiện nay bà đã đưa các con chung vào sinh sống học tập tại thành phố Hồ Chí Minh. Nay, bà mong muốn Tòa án sớm giải quyết vụ án ly hôn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông C theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà Q và ông C có 02 con chung tên: Nguyễn Trần Như T, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Trần Thảo A, sinh ngày 12/10/2018. Ly hôn, bà Q có nguyện vọng được nuôi hai con chung, các con chung có nguyện vọng được ở với bà Q nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Bà Q không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q trình bày không có.

**Tại bản tự khai ngày 19/6/2026, bị đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C xác nhận ông và bà Q có đăng ký kết hôn vào năm 2014, đến năm 2019 thì ly hôn, sau đó đến năm 2023 ông bà đăng ký kết hôn lại, nơi Đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng nay là phường C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có cải vả một lần, sau đó bà Q đưa các con chung về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống từ tháng 5/2026 cho đến nay. Nay bà Q yêu cầu ly hôn, ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C xác nhận có 02 con chung tên: Nguyễn Trần Như T, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Trần Thảo A, sinh ngày 12/10/2018.

Ly hôn ông C có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên ông được biết các con chung đều có nguyện vọng được ở với bà Q nên ông C thống nhất theo nguyện vọng của các con. Đồng ý để bà Q trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không đề cập đến.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông C, giao con chung là: cháu Nguyễn Trần Như T, sinh ngày 25/8/2015 và cháu Nguyễn Trần Thảo A, sinh ngày 12/10/2018 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Bà Q phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q khởi kiện đối với ông Nguyễn Thành C để xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tại thời điểm khởi kiện, bà Trần Thị Kim Q khởi kiện ly hôn và nuôi con chung đối với ông Nguyễn Thành C, bị đơn có nơi cư trú tại phường C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q và bị đơn ông Nguyễn Thành C có bản trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 và 238 BLTTDS xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q và bị đơn ông Nguyễn Thành C cùng có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án với nội dung - ông bà đã từng kết hôn hai lần vào các năm 2014 và năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng nay là phường C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân của ông bà là tự nguyện. Quá trình chung sống lần kết hôn đầu tiên

vào năm 2014 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn sau đó ly hôn vào năm 2019 (thể hiện tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 197/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng), đến năm 2023 vợ chồng đăng ký kết hôn lại, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn diễn ra. Nay, ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thống nhất muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Xét thấy, hiện nay bà Q và ông C đã không còn chung sống với nhau nữa, đồng thời ông bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C, là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 4 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Q và ông C xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Trần Như T, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Trần Thảo A, sinh ngày 12/10/2018. Ly hôn bà Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ông C mặc dù cũng có nguyện vọng nuôi con chung nhưng do các con chung có nguyện vọng ở với bà Q nên ông cũng thống nhất giao các con chung cho bà Q chăm sóc nuôi dưỡng.

HĐXX nhận thấy: Bà Q và ông C thống nhất giao có 02 con chung nói trên cho bà Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Các con chung cũng có nguyện vọng được ở với bà Q. Xét thấy để đảm bảo tính ổn định về nơi ăn chốn ở và sự phát bình thường của các con chung, đảm bảo điều kiện được chăm sóc tốt nhất về mọi mặt cũng như nguyện vọng được ở với mẹ là bà Q của các con chung thì cần giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Như T, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Trần Thảo A, sinh ngày 12/10/2018 cho bà Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Q không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q trình bày không có, còn ông C không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Kim Q phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & gia đình; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Q đối với ông Nguyễn Thành C về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim Q được ly hôn ông Nguyễn Thành C.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Trần Như T, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Trần Thảo A, sinh ngày 12/10/2018 cho bà Trần Thị Kim Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Thành C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị Kim Q phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004900 ngày 13/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Q đã nộp đủ tiền án phí.

5. Án xử công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án

dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Phòng THA dân sự khu vực 3- ĐN;
- UBND phường Cẩm Lệ
(Giấy ĐKKH số 11/2023 ngày 14/02/2023
của UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ cũ)
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bình